

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 47 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG
NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2022)

A. CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ, CHIẾN CÔNG OANH LIỆT CỦA SỰ
NGHIỆP CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN
NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

I. NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân ta là cuộc chiến tranh vô cùng khốc liệt với nhiều hy sinh, mất mát nhưng vẻ vang, oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, với những bước chuyển biến về tương quan lực lượng, cục diện chiến tranh để đến giai đoạn cuối cuộc kháng chiến đã tạo bước nhảy vọt lớn, đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

1. Giai đoạn từ từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960: Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Tháng 7/1954, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta thắng lợi, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơnevơ. Mỹ ngoan cố không chấp nhận các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, không ký Tuyên bố cuối cùng của Hiệp định, đồng thời xúc tiến kế hoạch xâm chiếm miền Nam nước ta bằng chính sách thực dân mới. Thông qua việc dùng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, Mỹ tập trung thực hiện biện pháp “tố cộng, diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng XHCN ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ. Thực hiện nhiệm vụ trên, ở miền Bắc, ta tích cực triển khai những biện pháp nhằm nhanh chóng ổn định, sớm tổ chức cuộc sống mới sau chiến tranh. Trong ba năm (1958 - 1960), đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo XHCN, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo con đường đi lên CNXH. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam,

mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên nhân dân miền Nam vùng lên trong phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của ngụy quyền ở các thôn, xã.

2. Giai đoạn từ năm 1961 đến giữa năm 1965: Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và chính trị, đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai. Ở miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

3. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968: Đảng phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất ở miền Bắc.

Trước nguy cơ phá sản của “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng ngụy quân, ngụy quyền để bình định, kìm kẹp nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa 1965 đến hết 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bàu Bàng, ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của Mỹ ở các thành phố lớn. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân Xuân 1968 đã giáng một

đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Paris.

4. Giai đoạn từ 1969 đến 1973: Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam với Lào, Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán.

Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ”, Mỹ buộc phải rút quân về nước nhưng lại kéo dài và mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào, thi hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ là thực hiện chiến tranh hủy diệt và chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào, Campuchia, đánh bại một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970 - 1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nhằm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai lên miền Bắc, nổi bật là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris (1973), rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, làm cho so sánh lực lượng thay đổi hẳn, có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để ta giành thắng lợi cuối cùng.

5. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến 30/4/1975: Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi ký Hiệp định Paris, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng nguy quân, nguy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho quân nguy lấn đất, giành dân, khống chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Paris của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hồng xóa bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã giành được thắng lợi. Ta ngày càng mạnh lên, nguy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu QĐND Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn Miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng toàn tỉnh Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân nguy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại được Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3 bằng ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4/1975. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

II. Ý NGHĨA, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ý nghĩa lịch sử

Đối với Việt Nam: thắng lợi của Nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiên bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa Tổ quốc ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đối với thế giới: thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi

Thứ nhất: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và vì quyền con người.

Thứ ba: cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thứ tư: kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Thứ năm: liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

Thứ năm: phải luôn luôn chú trọng xây dựng đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu quả lãnh đạo của đảng.

B. TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY GIẢI PHÓNG BÀ RI, VŨNG TÀU MÙA XUÂN 1975 VÀ NHỮNG THÀNH TỰU CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TRONG 47 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1975-2022)

I. CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY GIẢI PHÓNG BÀ RI, VŨNG TÀU MÙA XUÂN 1975

Phát huy truyền thống đấu tranh anh dũng từ cách mạng tháng Tám (1945), qua kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân Bà Rịa, Vũng Tàu đã kiên cường bám trụ, tích cực xây dựng lực lượng cách mạng, phát huy cả “ba mũi giáp công”

(quân sự, chính trị và binh vận) trên cả “ba vùng chiến lược” (miền núi, đồng bằng và đô thị), lần lượt làm thất bại từng chiến lược chiến tranh của Mỹ, ngụy. Trong quá trình vận động cách mạng, Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh¹ đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng thế và lực cách mạng; xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh để chuẩn bị cho tổng tiến công và nổi dậy giành chính quyền. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu mùa Xuân 1975 là kết quả cuộc chiến đấu 30 năm lâu dài và khốc liệt của quân và dân Bà Rịa - Vũng Tàu từ sau Cách mạng tháng Tám. Những chiến công mở đường trên biển Đông, tiếp nhận vũ khí của Trung ương, đánh địch ở địa đạo Long Phước, chống phá ấp chiến lược, chống bình định gom dân, mở màn trận thắng Bình Giã, chống phá chiến thuật hàng rào mìn và ụ ngầm của lính đánh thuê úc, bảo vệ vững chắc căn cứ Minh Đạm, tiến công sân bay, bến cảng Vũng Tàu...là minh chứng cho sức mạnh của khối đoàn kết toàn Đảng bộ tỉnh, dân và quân trên cơ sở mục tiêu, lý tưởng và nhiệm vụ cách mạng.

1. Công tác chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy

Sau Hiệp định Pari 1973, Tỉnh ủy Bà Rịa-Long Khánh đã chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, vận dụng cơ sở pháp lý để buộc chính quyền Mỹ-ngụy và tay sai thi hành Hiệp định. Tuy nhiên, với bản chất ngoan cố, địch mở chiến dịch "Tràn ngập lãnh thổ", tập trung phản kích, tấn công có trọng điểm, lấn chiếm nhiều xã trên địa bàn tỉnh và hầu hết các vùng ta mới vừa giải phóng.

Trước tình hình đó, xác định Bà Rịa-Long Khánh là chiến trường trọng điểm, là tuyến phòng thủ đặc biệt quan trọng mà ngụy quân, ngụy quyền ráo riết tăng cường bám giữ, nhất là sau khi địch thất thủ ở Tây Nguyên và Trung bộ. Khu ủy và Quân khu Miền Đông đã kết hợp với Tỉnh ủy khảo sát tình hình và xây dựng phương án chống lấn chiếm trên địa bàn lộ 23, từ Đất Đỏ lên Xuyên Mộc với sự tăng cường của Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 chủ lực quân khu. Các lực lượng vũ trang Bà Rịa-Long Khánh được lệnh đã kiên cường bám trụ, chống địch lấn chiếm, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng.

Ngày 2 tháng 11 năm 1974, Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh ra Nghị quyết về “Phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp công tác năm 1975 và những tháng cuối năm 1974”. Nghị quyết khẳng định: “Động viên quyết tâm và nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh nắm vững tư tưởng tiến công, đẩy mạnh 3 mũi, gỡ đồn diệt sinh lực địch, giải phóng xã ấp, làm thất bại cơ bản kế hoạch bình định lấn chiếm mới của địch, phát triển thực lực mọi mặt, làm thay đổi hẳn thế và lực tại chỗ, giành thắng lợi lớn nhất trong năm 1975”².

¹ Thời điểm thực hiện Tổng tấn công và nổi dậy là Tỉnh Đảng bộ Bà Rịa và Thành ủy Vũng Tàu trực thuộc Khu ủy miền Đông Nam Bộ.

² *Tài liệu đã dẫn*, Hồ sơ của Cục lưu trữ Trung ương Đảng, phòng Khu ủy miền Đông Nam Bộ.

Cùng với quân và dân miền Đông Nam bộ, quân và dân Bà Rịa - Long Khánh phân khởi bước vào đợt hoạt động mùa khô 1974-1975 mà Xuyên Mộc, Long Đất là những trọng điểm, riêng Long Đất là trọng điểm hoạt động của toàn Miền. Tại đây, nguy quyền tập trung lực lượng ráo riết ủi phá địa hình, lấn chiếm lộ 23 và di dân về Láng Dài, lấn dần vào vùng căn cứ của ta. Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ của toàn tỉnh trong mùa khô 1974-1975 là: Mở rộng khu căn cứ Minh Đạm, giải phóng lộ 23, nối thông căn cứ phía bắc xuống giáp biển. Ban chỉ huy chống phá địch lấn chiếm lộ 23 được thành lập, đồng chí Phạm Lạc, Tỉnh đội trưởng là Tư lệnh, đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư Tỉnh ủy là Chính ủy, đồng chí Lê Văn Việt, Huyện đội trưởng Long Đất là chỉ huy phó. Bộ chỉ huy tiền phương mặt trận đóng tại Long Tân. Tiểu đoàn 445 bộ đội tinh, đại đội 25 bộ đội huyện Long Đất cùng du kích các xã đã phối hợp đánh địch nhiều trận ở Phước Lợi, Phước Hải, Láng Dài, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch, phá hủy hàng chục xe ủi đất.

Đợt hoạt động mùa khô 1974-1975 quân và dân tỉnh Bà Rịa - Long Khánh đã giữ vững và phát triển mạnh thế chủ động chiến trường, đẩy địch lâm vào thế bị động, tạo điều kiện thúc đẩy thời cơ chiến lược cho thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh, làm phá sản về cơ bản kế hoạch lấn chiếm bình định của địch, gây cho địch nhiều thiệt hại, buộc chúng phải rút bớt một số tua, chốt nhỏ, dọc lộ 23, 53, bộ máy tề xã, ấp lỏng, rã; nhân dân có điều kiện bung ra sản xuất, ủng hộ lương thực cho cách mạng. Phong trào đô thị cũng có bước phát triển rõ nét.

Bước vào Đông-Xuân năm 1974-1975, khí thế cách mạng các nơi sôi nổi hẳn lên, thanh niên nam nữ được tập hợp thành các trung đội luyện tập quân sự, tập băng bó, tải thương, sẵn sàng ra trận khi có lệnh. Nhân dân khắp nơi dự trữ gạo, muối, thuốc men, chuẩn bị hậu cần cho các đơn vị bộ đội. Các tổ binh vận, nhân dân các xã luôn truyền tin thắng lợi, công khai vận động anh em binh sĩ ngưng đấu tranh với bọn đầu sỏ chỉ huy quy súng trở về với cách mạng. Ban kinh tài tỉnh thành lập một bộ phận nghiên cứu thực địa vùng căn cứ giải phóng để chuẩn bị bố trí dân cư, quy hoạch sản xuất và huy động mọi khả năng về tài nguyên, nhân lực đón thời cơ mới; cấp thêm kinh phí cho cho ban dân y, hậu cần tỉnh đội, tu bổ sửa chữa xe để sẵn sàng vận chuyển phục vụ chiến trường.

Những thắng lợi về quân sự, chính trị và binh vận trên chiến trường cũng như ở vùng đô thị đã tạo điều kiện để bảo vệ vùng giải phóng, mở rộng căn cứ và phát triển nhiều lõm chính trị mới. Phong trào du kích chiến tranh phát triển ở nhiều xã, từ việc xây dựng hệ thống hầm chông, hố đinh, cho đến hình thành thế chiến đấu chống địch lấn chiếm. Thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận tiến công và nổi dậy đã hình thành, các lực lượng của ta ở bên trong và bên ngoài các đồn bót giặc, lực lượng vũ trang 3 thứ quân với lực lượng chính trị của quần chúng có sự phối hợp chặt chẽ, chắc chắn. Mọi lực lượng và các thứ quân đã chiếm được địa bàn vững

chắc, sẵn sàng nổ súng vào mục tiêu tiến công; phát huy sức mạnh tổng hợp mạnh chưa từng có trong lịch sử chiến tranh cách mạng.

Đầu tháng 4 năm 1975, Ban Quân sự Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông cùng với Tỉnh ủy họp bàn phương án phối hợp với bộ đội chủ lực Quân khu 7 (Sư đoàn 6) tiến công bao vây giải phóng Xuân Lộc, mở cửa ngõ hướng Đông Bắc tiến vào Sài Gòn, từ đó tiến công giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu, chặn đứng con đường rút chạy bằng đường biển của địch. Nhận nhiệm vụ Khu ủy và quán triệt tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương Cục, Tỉnh ủy chỉ đạo các Đảng bộ, quân dân trong tỉnh chuẩn bị lực lượng, lương thực, địa bàn đón bộ đội chủ lực và phối hợp với lực lượng chủ lực sẵn sàng tiến công nổi dậy với phương châm “huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã”. Thắng lợi dồn dập trên các chiến trường, đặc biệt sau thắng lợi vang dội ở Phước Long đã tác động ảnh hưởng rất lớn đến tình hình Bà Rịa, Vũng Tàu. Toàn quân, toàn dân trong tỉnh phấn khởi, tin tưởng vào trận quyết chiến chiến lược. Năm thời cơ, Tỉnh ủy, huyện ủy và Ban cán sự các thị xã đẩy mạnh tuyên truyền binh vận phát động quần chúng, khẩn trương xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị cùng bộ đội chủ lực giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu.

Để đảm bảo yêu cầu lãnh đạo và chỉ đạo các địa phương trong tỉnh Bà Rịa, Long Khánh hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, ngày 8 tháng 4 năm 1975 Thường vụ Khu ủy quyết định chia Tỉnh Đảng bộ Bà Rịa - Long Khánh chia thành 3 Tỉnh Đảng bộ: Tỉnh Đảng bộ Bà Rịa, Tỉnh Đảng bộ Long Khánh và Thành ủy Vũng Tàu trực thuộc Khu ủy miền Đông Nam bộ. Đảng bộ Bà Rịa do đồng chí Lê Minh Hà, Khu ủy viên dự khuyết, Phó giám đốc trường sơ trung làm Bí thư, đồng chí Lê Minh Nguyễn là Phó bí thư. Đồng chí Phạm Văn Hy, Khu ủy viên được cử làm Bí thư Thành ủy Vũng Tàu.

Từ ngày 9 tháng 4 năm 1975 đến 21 tháng 4 năm 1975, lực lượng chủ lực Sư đoàn 6 và Quân đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang Bà Rịa và Long Khánh (tiểu đoàn 445, Tiểu đoàn 440, K8 Xuân Lộc, C204 cao su, C34 Châu Đức) đã đồng loạt tham gia chiến dịch tiến công giải phóng Xuân Lộc. Tình hình chuyển biến hết sức mau lẹ. Sư đoàn 3 - Sư đoàn Sao Vàng của Quân khu V phối hợp quân đoàn 2 được lệnh hành quân cấp tốc vào giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu, chặn con đường rút chạy ra biển của địch.

Từ ngày 9/4/1975 đến 21/4/1975, các lực lượng vũ trang Bà Rịa và Long Khánh đồng loạt tiến công nhiều vị trí ngoại vi, cùng với Quân đoàn 4 và sư đoàn 6 bộ đội chủ lực quân khu giải phóng Xuân Lộc, đập tan tuyến phòng thủ được mệnh danh là "Cánh cửa thép" bảo vệ cánh cửa phía Đông Bắc vào Sài Gòn. Tình hình chuyển biến hết sức mau lẹ. Sư đoàn 3 - Sư đoàn Sao Vàng của Quân khu V phối hợp quân đoàn 2 được lệnh hành quân cấp tốc vào giải phóng Bà Rịa - Vũng Tàu, chặn con đường rút chạy ra biển của địch.

2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu

a. Tiến công Chi khu Đức Thạnh, giải phóng quận lỵ đầu tiên của tỉnh

Ngày 23 tháng 4 năm 1975, những đơn vị đầu tiên của Sư đoàn Sao Vàng Quân khu V đã hành quân đến rừng cao su Cẩm Mỹ, căn cứ của tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu. Cùng ngày tại Cẩm Mỹ, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Bà Rịa đã họp cùng Sư đoàn Sao Vàng bàn kế hoạch hiệp đồng tác chiến.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975 cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh cũng là lúc Bộ chỉ huy Sư đoàn 3 Sao Vàng cùng đồng chí Nguyễn Minh Ninh, Tỉnh đội trưởng Bà Rịa và các đồng chí cán bộ tham mưu Quân khu 7 họp bàn triển khai phương án giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu. Cuộc tiến công giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu được tiến hành làm 2 giai đoạn: Giai đoạn I: Giải phóng thị xã Bà Rịa và toàn tỉnh Phước Tuy; Giai đoạn II: Giải phóng Vũng Tàu. Trung đoàn 12 được giao nhiệm vụ cùng lực lượng địa phương tiến công quận lỵ Đức Thạnh rồi phát triển xuống Đất Đỏ, Long Điền.

Đến 17 giờ, cùng thời điểm với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, 19 khẩu trọng pháo của Sư đoàn Sao Vàng đã đồng loạt nổ súng vào các mục tiêu thuộc Tiểu khu Phước Tuy, Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp và Chi khu Đức Thạnh, mở màn cuộc tiến công giải phóng tỉnh. 20 phút sau, pháo ta bắn cấp tập, áp đảo địch cho bộ binh xung phong.

Tại chi khu Đức Thạnh, các trận địa pháo địch bố phòng tại Bình Ba và Núi Đất nã đạn dữ dội vào đội hình ta, chặn các hướng cửa mở, dựa vào công sự kiên cố chống trả quyết liệt. Các mũi tiến công của ta được lệnh ngưng đợt 1 - lúc 21 giờ để củng cố lại lực lượng

23 giờ, Trung đoàn 12 mở đợt tiến công thứ 2. Địch dựa vào công sự phản kích quyết liệt. Đại đội công binh của Trung đoàn được lệnh tập kích vào trận địa pháo Bình Ba, địch bỏ pháo chạy tán loạn. Trận địa pháo ở Núi Đất cũng bị sư đoàn pháo kích, chi khu Đức Thạnh giảm dần tiếng súng.

04 giờ sáng 27/4/1975, Trung đoàn 12 cùng các lực lượng huyện Châu Đức hoàn toàn làm chủ chi khu Đức Thạnh. Các lực lượng huyện có mặt lúc 6 giờ cùng ngày, tiếp quản chi khu, quận lỵ, cử cán bộ về các ấp giúp đồng bào ổn định tình hình, kêu gọi ngụy quân, ngụy quyền đăng ký trình diện. Chi khu Đức Thạnh cùng các xã Đông và Tây lộ 2 được giải phóng sáng 27/4/1975. Đây là quận lỵ được giải phóng đầu tiên trong tỉnh.

b. Giải phóng Thị xã Bà Rịa; làm chủ chiến trường Xuyên Mộc, Long Điền, Đất Đỏ.

* Giải phóng Thị xã Bà Rịa

Để chuẩn bị cho ngày Tổng tiến công và nổi dậy, Thị ủy Bà Rịa đã đưa 20 cán bộ của Tỉnh tăng cường cho Thị ủy vào khu vực nội ô, tham gia cùng các đảng viên và cốt cán trong thị xã phát động quần chúng. Kế hoạch khởi nghĩa vạch ra có sự hiệp đồng chặt chẽ giữa bên trong và bên ngoài. Với phương châm: tập trung lực lượng và hỏa lực mạnh vào các điểm xung yếu đầu não của địch ở Phước Tuy, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ khám đường, các cơ sở điện, nước, bệnh viện... Nhiệm vụ thọc sâu, tiến công giải phóng thị xã Bà Rịa được Sư đoàn Sao Vàng giao cho Trung đoàn 141, với sự tăng cường đại đội 4 xe tăng. Đội biệt động thị xã dẫn đường cho bộ binh của Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 141; Sư đoàn Sao Vàng có đại đội xe tăng dẫn đầu từ hướng nhà máy nước theo đường Lê Lợi tiến vào Thị xã.

17 giờ ngày 26/4/1975, trọng pháo của Sư đoàn Sao Vàng đồng loạt nã đạn vào Tỉnh đoàn bảo an, khu tiếp liệu, Tiểu khu Bà Rịa, Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp. Đại đội 4 xe tăng đã xuất kích từ hướng Núi Dinh, cùng Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 141 (Sư đoàn Sao Vàng) theo sự hướng dẫn của Đội biệt động thị xã đã tiến dọc đường Lê Lợi vào tỉnh lỵ Bà Rịa.

Sáng ngày 27/4/1975, Tiểu đoàn 7 đánh vào khu tiếp liệu, khu an ninh, Ty cảnh sát và Sở chỉ huy Liên đoàn bảo an. 06 giờ sáng, ta chiếm Tòa hành chính rồi phát triển lực lượng ra hướng cầu Mới, Ty chiêu hồi. Trưa 27/4/1975, ta làm chủ Tỉnh đoàn bảo an, Các cụm pháo Ông Trịnh, Láng Cát trên Lộ 15 lần lượt rút chạy.

Ở phía Tây, Tiểu đoàn 9 đánh chiếm khu vực Núi Dinh, tiến vào thị xã Bà Rịa. Khẩu đội ĐKZ của tiểu đoàn liên tiếp bắn cháy 2 xe tăng, buộc chúng phải rút chạy. Trong khi đó, ở phía Đông, Tiểu đoàn 8 tiến công Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp. Đại đội 4 xe tăng cùng Tiểu đoàn 9 đánh xuống cầu cỏ May, với quyết tâm chiếm giữ cầu bằng mọi giá, chuẩn bị cho giai đoạn 2 của chiến dịch, tiến về giải phóng Vũng Tàu.

14 giờ, Sư đoàn Sao Vàng đã đánh chiếm được Tỉnh đoàn bảo an rồi phát triển lực lượng đánh chiếm Trung tâm Vạn Kiếp, chiếm lĩnh hoàn toàn các mục tiêu trong nội ô lúc 15 giờ cùng ngày. Thị xã Bà Rịa được hoàn toàn giải phóng, cờ Mặt trận pháp phối bay trên Tháp nước Nhà Tròn Bà Rịa.

18 giờ ngày 27 tháng 4 năm 1975, Bộ chỉ huy Sư đoàn Sao Vàng cùng các đồng chí lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo thị xã đã tập kết tại dinh tỉnh trưởng nguy. Đồng chí Lê Minh Hà, Khu ủy viên miền Đông Nam bộ, Bí thư tỉnh ủy chủ trì Hội nghị thành lập Ủy ban quân quản tỉnh Bà Rịa. Ủy ban Quân quản tỉnh và Ủy ban Quân quản Thị xã bàn ngay những nhiệm vụ cấp bách tiếp quản thị xã, tổ chức cho nguy quân nguy quyền đăng ký trình diện, ổn định đời sống và sinh hoạt của đồng bào.

Trong cùng ngày, Đoàn 10 đặc công Rừng Sác và z.24 Lữ đoàn 316 Quân báo Miền tiến công giải phóng xã đảo Long Sơn. Sư đoàn Sao Vàng triển khai lực lượng qua Long Sơn bố trí hỏa lực tại Bến Đệp khống chế các mục tiêu ở Vũng Tàu và khóa cửa sông Lòng Tàu.

** Làm chủ chiến trường Xuyên Mộc, Long Điền, Đất Đỏ.*

Trong lúc Sư đoàn Sao Vàng tập trung lực lượng tiến công chi khu Đức Thạnh và Tiểu khu Phước Tuy thì lực lượng vũ trang địa phương đã làm chủ các địa bàn Xuyên Mộc, Long Đất.

Tại Xuyên Mộc, nhằm chặn đường chạy của địch từ Hàm Tân (Thuận Hải) vào, lực lượng vũ trang huyện kết hợp với du kích các xã đã đón đánh địch ở Bình Châu chặn đoàn xe 52 chiếc và giật sập cầu Nước Mặn. Khắp các địa phương trong huyện, quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của các chi bộ mật cũng tích cực chuẩn bị mọi mặt, công khai tuyên truyền, binh vận, sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa. 9 giờ sáng ngày 27/4/1975, lực lượng huyện đang trên đường hành quân về giải phóng Xuyên Mộc thì được tin toàn bộ quân địch ở Chi khu Xuyên Mộc đã tháo chạy tán loạn về Đất Đỏ, Long Điền tìm đường thoát ra biển hoặc co cụm về Vũng Tàu do Tiểu khu Phước Tuy thất thủ. Trưa 27/4/1975, Xuyên Mộc được hoàn toàn giải phóng.

Tại Long Điền, Tiểu đoàn 445 với sự tăng cường của C.41 bộ đội huyện Châu Đức đã tổ chức đánh chiếm chi khu và quận lỵ Long Điền. C.25 bộ đội huyện Long Đất cùng 15 du kích xã đã phối hợp Tiểu đoàn 445 trong trận đánh vào Chi khu và quận lỵ Long Điền. Ta làm chủ hoàn toàn thị trấn Long Điền vào lúc 9 giờ sáng ngày 27/4/1975. Sau khi làm chủ chi khu và quận lỵ Long Điền, tiểu đoàn 445 bố trí hai đại đội (C.1 và C.2) chốt ở ngã ba Long Điền, đánh tan các toán quân địch từ Bà Rịa và Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp chạy về, bảo vệ địa bàn cho Sư đoàn Sao Vàng phát triển lực lượng về hướng Long Hải và Vũng Tàu.

Tại Đất Đỏ, trưa 27/4/1975, Đại đội du kích liên xã: Long Tân - Phước Thạnh - Phước Thọ - Phước Hòa Long vừa được thành lập trong ngày đã phối hợp với Đại đội 25 huyện Long Đất tiến công chi khu và chi nhánh cảnh sát Đất Đỏ, địch tan rã, bỏ súng, bỏ đồn chạy thoát thân. Các xã Phước Thạnh, Phước Thọ, Phước Hòa Long được giải phóng lúc 12 giờ 30 phút, ngày 27/4/1975. Lực lượng chính trị huyện và các chi bộ xã vận động quần chúng xuống đường thu chiến lợi phẩm, tước vũ khí tàn quân địch. 10 giờ, ngày 28/4/1975, C.25 bộ đội huyện Long Đất vận động xuống Long Hải chặn toàn bộ số tàn quân địch. 16 giờ cùng ngày, xã Phước Lợi, Long Mỹ, Hội Mỹ được giải phóng, huyện Long Đất được giải phóng hoàn toàn. Chiều 28/4/1975, ngư dân các xã Long Hương, Phước Lễ, Phước Tỉnh được lệnh huy động toàn bộ ghe chuẩn bị đưa bộ đội qua sông, giải phóng Vũng Tàu.

c. Phá vỡ phòng tuyến Cỏ May, cùng ba mũi tiến công giải phóng Thành phố Vũng Tàu

Vũng Tàu và các vùng phụ cận trong những ngày 28, 29 và 30/4/1975 trở nên sôi động. Đại pháo ta từ Bà Rịa nã dữ dội vào thành phố Vũng Tàu. Sau khi giải phóng Bà Rịa, ngày 28/4/1975, các đơn vị thuộc sư đoàn Sao Vàng chia làm hai mũi tiến về Vũng Tàu, tiêu diệt những cụm phòng thủ cuối cùng của địch ở miền Đông.

Mũi chính diện do tiểu đoàn 3, trung đoàn 2 đánh thẳng vào tuyến phòng ngự cầu Cỏ May trên đường 15. Mũi thứ hai vượt sông Cửa Lấp tiến công Trại Nhái, Bãi Sau, khu Chí Linh và Núi Nhỏ.

Đêm 28 rạng sáng ngày 29/4/1975 đặc công nước, trực thuộc Thị đội Vũng Tàu từ Gò Găng (Long Sơn) vượt sông Dinh đánh sang cầu Rạch Bà, hình thành mũi tứ ba, tiến công vào lực lượng địch ở Vũng Tàu.

Ở hướng tiến công chính diện tại cầu Cỏ May các chiến sĩ tiểu đoàn 3 (Sư đoàn Sao Vàng) vấp phải sức kháng cự quyết liệt của địch. Khoảng 3 giờ sáng ngày 29/4/1975, hai đại đội hỏa lực ĐKZ vượt sông, vừa cập bãi sù thì hỏa lực địch từ xe tăng, xe bọc thép nằm trong các ụ ngầm bắn xối xả đạn. Hai đại đội ĐKZ vẫn ngoan cường bám bãi sù, vừa chiến đấu vừa đào công sự triển khai trận địa dưới làn đạn dày đặc của địch. Trong lúc hỏa lực của sư đoàn chi viện, Tiểu đoàn 3 vẫn không vượt nổi lưới đạn dày đặc của địch.

Trong lúc trên hướng chính, tiểu đoàn 3, mũi xung kích của Trung đoàn 2 gặp bất lợi lớn tại cầu Cỏ May thì ở hướng đông nam, trung đoàn 12 được trên 50 ghe của ngư dân Phước Tỉnh chuyển quân vượt Cửa Lấp hết sức thuận lợi. Sư đoàn quyết định chuyển hướng, giao cho Trung đoàn 12 đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu. Tiểu đoàn 6 được lệnh đưa một đại đội đánh vào cụm phòng ngự của địch tại ấp Phước Thành, chi viện cho hướng Cỏ May, cô lập bọn địch ở tuyến phòng thủ Cỏ May-Cây Khế với trung tâm thành phố. Bị đánh từ phía sau lưng, toàn bộ địch trên tuyến phòng ngự Cỏ May - Cây Khế hoang mang, nhốn nháo. Từ hướng cầu Cỏ May, Tiểu đoàn 3 mở đợt phản kích quyết liệt, địch tan vỡ từng mảng, tan tác tháo chạy, quăng súng thoát thân.

Xế trưa ngày 29 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 2, Sư đoàn Sao Vàng tiến quân qua cầu Rạch Bà. Phân đội 2 của A.32 đặc công thủy Vũng Tàu đã chốt giữ từ đêm và bảo vệ cây cầu cho đại quân ta tiến vào. Từ cầu Rạch Bà đến ngã tư Giếng Nước, địch hầu như không còn sức chống trả. Phương Thắng Nhất được giải phóng lúc 15 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975. Đêm 29/4/1975, các lực lượng vũ trang đã vào đến trung tâm thành phố. Các cơ sở Đảng trong Nhà đèn Vũng Tàu đã phát động tinh thần yêu nước và giao trách nhiệm cho anh em công nhân bảo vệ nhà máy, giữ vững dòng điện trong ngày lịch sử giải phóng Vũng Tàu.

Hòa với tiếng súng của lực lượng vũ trang, Ban khởi nghĩa các phường cùng cơ sở nội tuyến dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban cán sự nội ô Vũng Tàu hướng dẫn, phát động nhân dân bảo vệ công sở, truy kích địch giành chính quyền. 9 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 ta đã chiếm Tòa thị chính và hầu hết các công sở. Trong rừng cờ và biểu ngữ, nhân dân các phường trong Thành phố Vũng Tàu hân hoan lắng nghe đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư Thành ủy, kiêm Chủ tịch Ủy ban quân quản đọc nhật lệnh kêu gọi ngụy quân, ngụy quyền nộp vũ khí; động viên nhân dân Vũng Tàu truy quét địch, ổn định cuộc sống, xây dựng chính quyền cách mạng.

Trận đánh quyết liệt nhất ở trung tâm thành phố đã diễn ra tại khách sạn Palace từ sáng 30 tháng 4 năm 1975. Trưa 30 tháng 4 năm 1975, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng, nhưng sĩ quan và binh lính ở khách sạn Palace vẫn điên cuồng chống trả. Trung đoàn phó Trung đoàn 12 trực tiếp chỉ huy trận đánh. Tiểu đoàn 6 dùng hỏa lực bắn áp đảo liên tục 30 phút vào các tầng lầu, chi viện cho bộ đội tiếp cận, dùng lựu đạn phá cửa tầng dưới đưa đồng bào ra ngoài, sau đó luôn xuống phía Tây Nam từ các hẻm của khu dân cư đánh vào bên sườn khách sạn. Một mũi khác được thanh niên địa phương dẫn đường đã đưa hỏa lực lên chiếm lĩnh sườn Núi Nhỏ, nã đại liên, B40, B41 và ĐKZ vào các cửa sổ tiêu diệt địch. 13 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, Thành phố Vũng Tàu hoàn toàn giải phóng.

d. Nội dậy giải phóng Côn Đảo

Ngày 01/5/1975, sau khi thành phố Vũng Tàu được giải phóng, Tiểu đoàn 445, bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa cùng tiểu đoàn 6, thuộc Trung đoàn 12 của Sư đoàn Sao Vàng anh hùng được lệnh tập kết về cảng Rạch Dừa, chuẩn bị xuống tàu giải phóng Côn Đảo.

Nhà tù Côn Đảo lúc này có 7.448 tù nhân, trong đó có 4.234 tù chính trị bị cầm cố trong 8 trại giam. Ngày 29/4/1974, khi các mặt trận đồng loạt nổ súng tiến vào giải phóng Sài Gòn thì ở Côn Đảo, các trại tù cầm cố bị canh gác chặt chẽ. Chứa đảo Lâm Hữu Phương cùng cố vấn Mỹ bí mật rút chạy ngay trong đêm.

Sáng 30/4/1975, Đại úy Phạm Huỳnh Trung, Chỉ huy phó Đặc khu Côn Sơn nắm quyền chỉ huy ra lệnh khóa chặt cửa các trại giam, tổ chức di tản và chuẩn bị thủ tiêu tù chính trị bằng lựu đạn vào giờ chót. Tình thế đảo ngược khi Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Bọn ác ôn kinh hoàng tháo chạy, đâm đạp lên nhau tại cầu Tàu, tranh cướp ghe ra tàu Mỹ di tản.

Ở Trại VII, sau khi kiểm tra nguồn tin bằng radiô và trực tiếp quan sát tình hình, những người có trách nhiệm quyết định chớp thời cơ tự giải phóng. 03 giờ sáng ngày 01/5/1975, cả 8 khu của Trại VII được giải phóng, Đảo ủy lâm thời (gồm 7 đồng chí) được thành lập. Theo sự chỉ đạo của Đảo ủy, tù chính trị tổ chức lực lượng vũ trang, chia thành nhiều mũi, chiếm các vị trí xung yếu của đảo và mở cửa giải

phóng cho các trại. 10 giờ sáng cùng ngày, Đài phát thanh Côn Đảo phát tin từ chính trị hoàn toàn làm chủ Côn Đảo và công bố danh sách các thành viên trong chính quyền cách mạng.

Rạng sáng ngày 04/5/1975, chuyên tàu chở lực lượng vũ trang ra giải phóng Côn Đảo cập bến cũng là lúc tình hình trên đảo đi vào ổn định. Ngày 05/5/1975, con tàu đầu tiên chở 550 chiến sĩ tù nhân Côn Đảo về đến Vũng Tàu. Ủy ban quân quản Vũng Tàu tổ chức trọng thể cuộc mít tinh tại cảng Rạch Dừa chào đón những người con ưu tú của Tổ quốc vừa chiến thắng trở về.

3. Những nhân tố tạo nên thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 1975.

Thắng lợi của tổng tiến công và nổi dậy trước hết về sự chỉ đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy miền Đông và Đảng bộ tỉnh. Tiến công và nổi dậy, giải phóng Bà Rịa, Vũng Tàu mùa Xuân năm 1975 là một chiến công xuất sắc của quân và dân Bà Rịa, Vũng Tàu. Đó là thắng lợi của sự phối hợp giữa các lực lượng quân sự, chính trị, binh vận; của bộ đội tỉnh, bộ đội huyện, du kích, an ninh và lực lượng quần chúng nổi dậy. Góp phần to lớn vào chiến công giải phóng quê hương Bà Rịa, Vũng Tàu còn có sự chi viện đặc lực của bộ đội chủ lực mà trực tiếp là sư đoàn Sao Vàng và Z24 (quân báo miền). Đó là những nhân tố tạo nên thắng lợi rực rỡ mùa Xuân 1975 ở tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.

Với khí thế dũng mãnh tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, quân và dân Bà Rịa, Vũng Tàu đã phối hợp chặt chẽ với Sư đoàn Sao Vàng anh hùng đập tan 01 tiểu khu, 02 yếu khu, 05 chi khu cùng lực lượng tương đương 6 sư đoàn giải phóng địa bàn tỉnh, góp phần vào thắng lợi trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

II. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TRONG 47 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1975-2022)

1. Khắc phục hậu quả chiến tranh (1975 - 1979)

Chiến tranh kéo dài trên 30 năm đã để lại hậu quả hết sức nặng nề cho nhân dân Bà Rịa, Vũng Tàu. Ngay sau khi giải phóng, ủy ban Quân quản các địa phương được thành lập. Nhưng tình hình kinh tế, xã hội ở Bà Rịa, Vũng Tàu sau ngày giải phóng gặp nhiều khó khăn; tình hình chính trị diễn biến phức tạp. Hầu hết các thành viên trong chính quyền cách mạng chưa có kinh nghiệm quản lý xã hội, kiến thức hành chính và số lượng cán bộ còn hạn chế. Số nạn nhân, nạn quyền tan rã tại chỗ trên 30.000 người, chưa kể một số tàn quân khắp nơi đổ về ẩn náu, tìm cách vượt biên ra nước ngoài. Một số khác lẩn trốn trên núi Minh Đạm, Núi Lớn, Núi Nhỏ, rừng Chí Linh... tổ chức tàn binh, vũ trang tìm cách chống phá chính quyền cách mạng. Những tàn dư của văn hóa thực dân mới để lại trên đất Bà Rịa, Vũng Tàu khá

nặng nề. Cơ sở kinh tế hầu như không có gì. Trước tình hình đó, một mặt lực lượng vũ trang tiếp tục truy quét tàn quân chống đối, đưa các đối tượng đi học tập, cải tạo, giữ vững ổn định chính trị, mặt khác, ra sức củng cố chính quyền, ổn định sản xuất và cuộc sống của nhân dân.

Đối với vùng đô thị, chính quyền cách mạng tích cực phục hồi và duy trì sự hoạt động bình thường của các dịch vụ điện, nước, sản xuất, buôn bán. Đối với vùng nông thôn, vùng căn cứ kháng chiến trước đây, chiến tranh diễn ra ác liệt, ruộng đồng bị bỏ hoang đã được phục hồi.

Tháng 2/1976 tỉnh Đồng Nai ra đời trên cơ sở sáp nhập các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh và thành phố Vũng Tàu. Đây là mốc mở đầu thời kỳ phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, củng cố bộ máy chính quyền và xây dựng hệ thống chính trị các cấp.

2. Xây dựng và phát triển Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo (1979 - 1991)

Xuất phát từ yêu cầu của công cuộc tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam, ngày 30/5/1979, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 5, khóa VI đã ra Nghị quyết thành lập đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo, gồm thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn, tỉnh Đồng Nai và huyện Côn Đảo. Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo trở thành đơn vị hành chính tương đương cấp tỉnh, trực thuộc Trung ương và là đơn vị hành chính thứ 40 trong cả nước.

Ngay từ những ngày đầu thành lập cũng như trong quá trình phát triển, Đảng bộ Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo luôn xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; công cuộc tìm kiếm, thăm dò và chuẩn bị khai thác dầu-khí là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu để phát triển kinh tế song song với chú trọng phát triển tiềm năng của địa phương.

Đi liền với công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và ổn định đời sống vật chất của nhân dân, sự nghiệp văn hóa - xã hội không ngừng phát triển, góp phần rất lớn trong việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới và góp phần thực hiện công cuộc đổi mới. Bình quân, mỗi năm ở Đặc khu có gần 300 nhà ở mới được xây. Nguồn điện, nước phục vụ sinh hoạt của nhân dân được tăng cường. Các phương tiện giao thông đủ sức đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. Các trung tâm dịch vụ lao động, dạy nghề giáo dục lao động đã góp phần tạo điều kiện cho hàng trăm thanh niên có việc làm và nguồn thu nhập chính đáng. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” ngày càng phát triển sâu rộng trong quần chúng nhân dân^[1]. Sự nghiệp giáo dục được đặc biệt quan tâm và đã từng bước đi vào ổn định. Đến năm 1990, cứ 4 người dân có 1 người đi học, 12/13 quận, phường, xã đã được công nhận phổ cập giáo dục cấp I và xóa mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe được thực hiện tốt, hoàn thành các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng hàng năm đạt tỷ lệ 85% số trẻ em trong độ tuổi, năm 1990 đạt

90,12%. Hệ thống bệnh viện, phòng, trạm y tế và nhiều cơ sở cung ứng thuốc chữa bệnh được củng cố tương đối hoàn chỉnh từ cấp Đặc khu đến phường, xã.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc phòng được quan tâm và chú trọng, tăng cường phong trào an ninh nhân dân và lực lượng quốc phòng toàn dân, thực hiện tương đối tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Công tác xây dựng đảng được xác định là sức mạnh của Đảng bộ. Chính vì vậy, Đảng bộ đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt công tác vận động quần chúng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng đoàn kết nội bộ, chủ động sáng tạo trong hoạt động thực tiễn. Tạo điều kiện đào tạo và đào tạo lại cán bộ nâng cao năng lực cán bộ để đáp ứng nhiệm vụ. Chú trọng công tác phát triển đảng viên mới^[2]. Thường xuyên củng cố tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng.

3. Thời kỳ xây dựng và phát triển tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (1991-2022)

Trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, trước những đòi hỏi thực tiễn của đất nước là tạo không gian địa kinh tế - chính trị đủ rộng, lớn mạnh, dồi dào tiềm năng để mở đường cho việc phát triển ngành công nghiệp thăm dò, khai thác dầu khí trên thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc, từng bước hình thành khu kinh tế động lực của khu vực Đông Nam bộ và các tỉnh phía Nam gắn với củng cố thể trận quốc phòng an ninh trên biển, ngày 12/8/1991, Quốc hội khóa VIII, Kỳ họp thứ 9 đã thông qua Nghị quyết thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sự ra đời của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đáp ứng yêu cầu thực hiện Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội (1991-2000), đáp ứng yêu cầu phát triển khu dịch vụ phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí quốc gia đang phát triển và khai thác được nhiều tiềm năng, thế mạnh khác. Hơn thế nữa, việc thành lập tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã đáp ứng được tình cảm, nguyện vọng của nhân dân Vũng Tàu - Côn Đảo và các huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, vốn có truyền thống gắn bó keo sơn trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và trong xây dựng quê hương, mở ra giai đoạn phát triển mới, đầy sôi động, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Bà Rịa - Vũng Tàu khi mới thành lập có 5 đơn vị hành chính, gồm: Thành phố Vũng Tàu và 4 huyện: Châu Thành, Xuyên Mộc, Long Đất và Côn Đảo. Phía Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía Tây giáp thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận và phía Nam giáp Biển Đông, Côn Đảo cách đất liền 97 hải lý. Trong quá trình phát triển, để hợp lý hóa khu vực hành chính, Bà Rịa - Vũng Tàu đã tiến hành chia tách một số địa phương, đến nay toàn tỉnh có 2 thành phố: Vũng Tàu, Bà Rịa; 01 thị xã: Phú Mỹ và 5 huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Châu Đức, Xuyên Mộc và Côn

Đảo. Tổng diện tích tự nhiên là 1.988km²; quy mô dân số năm 2020 là 1.167.900 người.

Thời điểm mới thành lập, Bà Rịa - Vũng Tàu đứng trước vô vàn khó khăn. Công nghiệp địa phương manh mún, chỉ có một vài nhà máy nước đá, cơ sở chế biến hải sản, đóng sửa tàu thuyền nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, xuống cấp trầm trọng. Ngành hải sản và du lịch cũng không phát triển vì cơ sở vật chất nghèo nàn, đa số doanh nghiệp nhà nước kinh doanh không hiệu quả. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng nông thôn thuộc thị xã Bà Rịa, các huyện: Long Đất, Xuyên Mộc. Trên 50% các xã trong thời đó không có điện, đường, trường, trạm hoặc nếu có thì chắp vá, tạm bợ. Các đảo như Côn Đảo, Long Sơn thì tình trạng cơ sở hạ tầng còn khó khăn hơn. Riêng Côn Đảo khi thời tiết xấu, có lúc 3 tháng không có tàu từ đất liền ra vì không có tàu lớn đủ sức đi biển. Cơ sở hạ tầng văn hóa - xã hội cũng còn nhiều thiếu thốn, trường học, bệnh viện, trạm xá đều không đáp ứng được yêu cầu của người dân. Nước sạch cũng không đủ cung cấp vì chỉ có 1 nhà máy nhỏ ở sông Dinh (Bà Rịa). Trừ thành phố Vũng Tàu và Trung tâm thị xã Bà Rịa, còn lại người dân hầu hết ở các xã chủ yếu phải sử dụng nước giếng. Đời sống của Nhân dân đa số còn rất khó khăn.

Sau 30 năm xây dựng và phát triển, Bà Rịa - Vũng Tàu được xếp vào nhóm địa phương có hạ tầng giao thông đường bộ khang trang, đồng bộ nhất nước, hoàn thành khung kết cấu giao thông. Đặc biệt, trên địa bàn tỉnh có 3 trục đường được bình chọn đường đẹp Việt Nam, tuyến kết nối liên hoàn dài ven biển dài 78 km góp phần tạo sức bật cho kinh tế biển. GRDP của Bà Rịa - Vũng Tàu luôn tăng trưởng, có giai đoạn 5 năm tăng bình quân 16,4%/năm; giai đoạn khó khăn nhất, bị tác động của đại dịch Covid-19 cũng duy trì được tốc độ tăng trưởng dương. GRDP bình quân đầu người cao gấp 2 lần mức bình quân chung cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều còn 0,8% và không có hộ nghèo chuẩn quốc gia. Bà Rịa - Vũng Tàu là địa phương thu ngân sách đứng trong nhóm 5 của cả nước. Suốt từ năm 1996 đến nay, Bà Rịa - Vũng Tàu cũng luôn tự cân đối được ngân sách, để có thêm nguồn lực nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo đảm quốc phòng an ninh.

Từ những thành quả đạt được sau 30 năm, có thể nói, quyết định thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đúng với ý nghĩa "*thiên thời, địa lợi, nhân hòa*". Thiên thời vì đây là thời điểm chín muồi để trung ương mở rộng không gian vùng cho phát triển ngành công nghiệp dầu khí, đòn bẩy kinh tế quan trọng của đất nước giai đoạn 1990, cũng là hiện thực hóa ước vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi đất nước còn chia cắt, miền Nam còn chìm trong khói lửa chiến tranh, trong 1 chuyến thăm ngành dầu khí ở Anbani, Bungari và Liên Xô năm 1959, Người đã đề nghị Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng ngành công nghiệp Dầu khí. Địa lợi vì vùng biển của tỉnh có trữ lượng dầu và khí lớn nhất Việt Nam và với không gian mở rộng, tỉnh vừa có đủ điều

kiện để xây dựng trung tâm công nghiệp dầu khí quốc gia, vừa phát triển các sản phẩm hóa dầu sau này, đồng thời tạo ra chân hàng rộng lớn quanh khu vực cảng nước sâu cũng ở ngay tại Bà Rịa-Vũng Tàu và ra thẳng tuyến hàng hải quốc tế. Con người nơi đây luôn đoàn kết, đồng lòng với ý chí sắt đá bảo vệ từng tấc đất Tổ quốc, tạo nên lũy thép ở chiến trường Miền Đông "gian lao mà anh dũng" trong đấu tranh giành hòa bình độc lập. Đất nước thống nhất, các địa bàn bị tách rời giờ hợp nhất trở lại, là hợp với lòng dân, với cả hệ thống chính trị.

Việc thành lập tỉnh đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, đưa Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển mạnh mẽ không ngừng, giúp người dân Bà Rịa - Vũng Tàu có cuộc sống ngày càng phồn thịnh. Bà Rịa - Vũng Tàu cũng trở thành một tỉnh trụ cột của đất nước, với tiềm năng cảng biển được nhìn nhận dưới góc độ của lợi ích, tiềm năng quốc gia. 30 năm phát triển - chặng đường chưa phải là dài, nhưng đã khẳng định tính đúng đắn của quyết định thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong việc tạo không gian phát triển mới cho địa phương giàu tiềm năng về kinh tế biển, công nghiệp, dầu khí, du lịch. Sau gần 30 năm xây dựng, trưởng thành, vượt qua những khó khăn của ngày đầu thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Bà Rịa - Vũng Tàu đã từng bước định hướng phát triển: Xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mạnh về công nghiệp, cảng biển, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao. Với mục tiêu cao nhất là phát triển vì con người và lấy con người làm trung tâm của sự phát triển.

Thành quả 30 năm xây dựng và phát triển là công lao to lớn của Đảng bộ, dân và quân trong tỉnh. Quá trình đó không hề đơn giản, không thể tránh khỏi thiếu sót, vấp ngã do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Có những vấn đề, tình vừa làm vừa điều chỉnh, vừa đúc rút kinh nghiệm. Thành quả đó vừa giúp Bà Rịa - Vũng Tàu khẳng định vị thế của tỉnh trong nền kinh tế của đất nước, là nền tảng cơ bản để Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục phát triển mạnh mẽ theo định hướng của Đảng, Nhà nước, tiếp tục là tỉnh có quy mô kinh tế lớn trong vùng cũng như cả nước, là thành viên quan trọng và tích cực của Khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng thời, tạo nền tảng vững chắc để cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh tiếp tục đồng lòng, quyết tâm, không ngừng phấn đấu với mục tiêu xây dựng quê hương giàu đẹp, phồn vinh, hạnh phúc, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển chung của đất nước.

Kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2022) là dịp để chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, bài học kinh nghiệm được tổng kết từ thực tiễn đấu tranh của dân tộc.

Cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng với Nhân dân cả nước luôn nỗ lực, phát huy hơn nữa những thành tựu và kinh nghiệm đạt được, ra

sức thi đua sản xuất, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tiếp tục phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu thành tỉnh mạnh về công nghiệp, cảng biển, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao. Phân đấu đến năm 2025 tiếp tục là tỉnh đứng trong tốp đầu cả nước về GRDP bình quân đầu người theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra. Xây dựng quê hương Bà Rịa-Vũng Tàu giàu mạnh, văn minh, hiện đại, vững bước đi lên trên con đường phát triển bền vững và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

^[1] Tính đến năm 1990, đã xây dựng được 36 nhà tình nghĩa.

^[2] Đến năm 1990, Đảng bộ Đặc khu có 5.040 đảng viên, chiếm 18% dân số, tham gia sinh hoạt ở 516 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó Đặc khu đã thành lập Đảng bộ Long Sơn và đảng bộ Côn Đảo.

^[3] So với năm 1992, quy mô GDP năm 2010 kể cả dầu khí gấp 8 lần, không kể dầu khí gấp 26 lần.

^[4] Đảng bộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, trang 5.

^[5] Đảng bộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, trang 5.

^[6] Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Phước Hội huyện Đất Đỏ với quy mô diện tích 253 ha; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Châu Đức với tổng diện tích 1.037 ha; vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao tại xã Lộc An, huyện Đất Đỏ với quy mô 300 ha, vùng nuôi cá nước ngọt bán thâm canh, thâm canh tại huyện Châu Đức với quy mô khoảng 100 ha.

^[7] Đảng bộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, trang 5.

^[8] Đảng bộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Tham luận, thảo luận tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, trang 113.

^[9] Trong giai đoạn 2016-2020, tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt 62,15 triệu lượt khách, tốc độ tăng bình quân 10,47% năm.

^[10] Tính đến tháng 11/2020, toàn tỉnh có 39/45 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, trong đó 38 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thành phố Bà Rịa đã được công nhận hoàn thành nhiệm

vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Long Điền và huyện Đất Đỏ được công nhận là huyện nông thôn mới.

^[11] Đảng bộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025, trang 11.